

IX CUỘC DI TẢN BUỒN CỦA LIÊN QUÂN PHÁP - TÂY BAN NHA (13/01 - 23/3/1860)

Ngày 13/01/1860, hải phòng hạm hơi nước Duchayla đến Đà Nẵng từ Sài Gòn, mang theo mệnh lệnh của Chuẩn Đô đốc. Việc di tản khỏi Đà Nẵng dường như đã được quyết định, bởi vì chúng tôi bắt đầu dỡ bỏ vũ khí ở các pháo đài quanh bến cảng và tháo dỡ một số lượng lớn các lán trại.

Ngày 21/01/1860, hải phòng hạm hơi nước Duchayla trở lại Sài Gòn với một đại đội thủy quân lục chiến.

Tàu thư tín đã đến Đà Nẵng. Thiếu úy Prot được thăng cấp trung úy, theo thâm niên, và được thưởng Ngũ đẳng Bắc đẩu bội tinh.

Người đồng đội thân thương đã được công nhận về lòng can đảm trong trận đánh vào ngày 15/9/1859, có lẽ đã hơi đại dột; anh ấy đã trả giá đắt cho sự khinh suất của mình! Trung sĩ Rozé, của đại đội tôi, cũng được thưởng Bắc đẩu bội tinh; tôi vui vẻ chúc mừng anh ta và những binh lính đã nhận được Huy chương quân công.

Tướng Cousin-Montauban được bổ nhiệm làm Tổng Tư lệnh cuộc viễn chinh Trung Quốc; dưới quyền của ông là các tướng Jamin và Collineau, chỉ huy hai lữ đoàn được cấu thành từ các tiểu đoàn 101 và 102, tiểu đoàn 2 Lạp bộ binh⁽¹⁾ và trung đoàn sau cùng có 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến.

Ngày 28/01/1860, hải phòng hạm hơi nước Prégent đến Đà Nẵng từ Sài Gòn. Vào lúc khởi hành, nó đã gặp tuần dương hạm hơi nước Forbin, chiếc tàu đã thực hiện cuộc hành trình từ Toulon⁽²⁾ đến Sài Gòn trong 75 ngày, mà hầu như không sử dụng đến máy móc.

Vận hạm hỗn hợp hơi nước Gironde từ Đà Nẵng khởi hành đi Sài Gòn, mang theo các sĩ quan phát lương⁽³⁾ và những bộ phận làm việc văn phòng.⁽⁴⁾

Ngày 02/02/1860, một lá thư của Chuẩn Đô đốc từ Sài Gòn gửi cho chỉ huy cấp cao ở Đà Nẵng bằng đường bộ; người An Nam gửi đến một thông điệp, qua vị quan trao thư, từ chối việc mang thư trả lời. Bức thư, chuyển đến trong 16 ngày, thông báo rằng các cuộc đàm phán cho hòa bình đang được tiến hành ở Sài Gòn. Chúng tôi thông báo một phần nội dung của bức thư này cho quan Tổng thống quân thứ Quảng Nam; ông ta không trả lời.

⁽¹⁾ Nguyên văn: chasseur à pied (lính bộ binh bắn tỉa).

⁽²⁾ Toulon: cảng quân sự lớn nhất của Pháp.

⁽³⁾ Nguyên văn: les officiers payeurs.

⁽⁴⁾ Nguyên văn: les sections hors rang.

Ngày 05/02/1860, Huy chương quân công được trao cho Phó Đô đốc Rigault de Genouilly vì sự phục vụ tận tụy ở Đông Dương, đặc biệt là ở Đà Nẵng, nơi mà trong một thời kỳ khó khăn, ông đã cố gắng hết mình và quyết tâm vì ngọn cờ của nước Pháp.

Ngày 06/02/1860, Chuẩn Đô đốc Page từ Sài Gòn đến Đà Nẵng trên chiếc tuần dương hạm hơi nước Forbin. Cuộc đàm phán đã bị hủy bỏ vào ngày 01/02/1860. Việc đàm phán không còn cần thiết bởi người ta nhận ra rằng, triều đình Huế tin chắc chúng ta sẽ trở lại Trung Quốc nên họ sẽ không chấp nhận bất kỳ hiệp ước hòa bình nào; họ trông mong những kết quả này sẽ bắt buộc chúng ta phải rời khỏi An Nam trong thời gian ngắn. Liệu công việc chuẩn bị di tản của chúng ta mà người An Nam chứng kiến ở Đà Nẵng đã củng cố quyết tâm không nhượng bộ gì của họ?

Ngày 08/02/1860, chúng tôi chuyển thêm một đại đội thủy quân lục chiến vào Sài Gòn; họ đi trên chiếc vận hạm hỗn hợp Marne.

Ngày 09/02/1860, Chuẩn Đô đốc khởi hành đi Hồng Kông; ông ta sẽ nhận lệnh của tướng Montauban, người sẽ đến đó vào cuối tháng này.

Ngày 18/02/1860, kiết lỵ là một dịch bệnh mà các triệu chứng gây bối rối cho các bác sĩ của chúng tôi với rất nhiều nạn nhân; Đại úy hải quân Fontenille đã chết hôm nay; Đại úy của tôi⁽¹⁾ sắp chết. Tôi vừa chuyển người lính cần vụ của mình đi bệnh viện; chân anh ấy bị sưng và hầu như không ăn được.

[.....]

Ngày hôm kia, ruột bị đau thắt, anh ấy có ý tưởng nuốt một ly rượu mạnh có hòa bột thuốc súng; loại thuốc kỳ dị này đã xổ ra một con giun lớn. Liệu có ai biết đó không phải là loài sán dây có khả năng gây ra căn bệnh này, mà bản chất của nó chưa được phát hiện?

Ngày 22/02/1860, Dulout dũng cảm của tôi⁽²⁾ đã chết. Việc khám nghiệm tử thi được thực hiện, trái tim anh ấy lổm đổm những chấm màu đen; các bác sĩ nhận ra sự bất lực trong chẩn đoán của họ. Sự mất mát người lính cần vụ Dulout gây tác động sâu sắc đến tâm tư tôi; tôi chưa bao giờ gặp một người đàn ông tận tâm hơn thế: anh ấy đã chết vì trung úy của mình!

Ngày 24/02/1860, một chiếc tàu thương mại đến từ Hồng Kông, mang theo lệnh của Chuẩn Đô đốc về việc thành lập 18 đại đội thủy quân lục chiến thuộc quân đoàn viễn chinh⁽³⁾ vào ngày 01/3/1860; gồm một tiểu đoàn có 6 đại đội, mỗi đại đội 112 lính, cùng một số cán bộ khung⁽⁴⁾ của 12 đại đội khác, và sẵn sàng đưa

(1) Tức Đại úy Duplaix, Đại đội trưởng của Henri de Ponchalon.

(2) Tức người lính cần vụ Dulout của Henri de Ponchalon.

(3) Nguyên văn: corps expéditionnaire.

(4) Nguyên văn: cadre.

về Pháp những quân nhân có thể giải ngũ⁽¹⁾. Chuẩn Đô đốc cũng ra lệnh di tản khỏi Đà Nẵng trong thời gian ngắn nhất.

Ngày 25/02/1860, tiểu đoàn được thành lập sẽ do trung đoàn 3 thủy quân lục chiến quản lý và chỉ huy bởi Tiểu đoàn trưởng Vallière; 3 đại đội được dự định đi đóng đồn tại Quảng Châu,⁽²⁾ 3 đại đội còn lại vào Sài Gòn. Tôi là một trong những cán bộ khung phải trở về Pháp.

Ngày 26 và 27/02/1860, chúng tôi bắt đầu sơ tán khỏi khu vực Chơn Sảng. Cư dân trong làng Chơn Sảng có khoảng 400 người, và đại đội lính bản xứ được dồn hết về các tiền đồn, sẵn sàng chuyển họ vào Sài Gòn. Các lán trại ở khu vực đồn Trấn Dương hầu như được tháo dỡ hết.

Ngày 29/02/1860, tàu Lampra đến Đà Nẵng ngày hôm qua, vào buổi tối, mang theo thư tín. Theo sắc lệnh ký ngày 24 tháng 12 năm ngoái,⁽³⁾ tôi được bổ nhiệm cấp bậc trung úy ở trung đoàn 2 thủy quân lục chiến tại Brest.⁽⁴⁾ Sự bổ nhiệm này làm cho tôi thêm phần hân hoan, bởi nó trùng hợp với chuyển trở lại nước Pháp của tôi.

Sáng nay, lúc 4 giờ, quân An Nam, những người nhìn thấy sự chuẩn bị sơ tán của chúng tôi, đã giễu cợt bằng việc bắn vài loạt súng bắn đá vào những tiền đồn của chúng tôi.

Lúc 7 giờ, chúng tôi cho nổ tung pháo đài Định Hải.⁽⁵⁾ Khu vực Chơn Sảng bị bỏ ngỏ, các toán quân rút về những tiền đồn ở Sơn Trà.

(1) Nguyên văn: les hommes libérables.

(2) Nguyên văn: Canton (cách gọi của người Pháp đối với Quảng Châu, Trung Quốc).

(3) Ý nói ngày 24/12/1859.

(4) Brest nằm ở vùng Bretagne, tây bắc nước Pháp, nơi có cảng quân sự lớn thứ hai nước Pháp sau Toulon.

(5) Nguyên văn: fort Isabelle, - fort du Mamelon (pháo đài Isabelle, - tức là pháo đài Núi Vú). Thời Nguyễn, để bảo vệ khu vực bờ biển tây bắc vịnh Đà Nẵng cùng trạm Nam Chơn và con đường quan báo đi lên Hải Vân Quan, năm 1823 vua Minh Mạng cho xây dựng một pháo đài ở hướng đông bắc trạm Nam Chơn và làng Chơn Sảng, nằm trên đỉnh của Hòn Hành nhô ra biển che chắn trước vịnh Nam Chơn. Hòn Hành trước thế kỷ XIX có tên là Núi Thông (Thông Sơn: 葱山), nhưng dân gian quen gọi là Hòn Hành (崙行) vì hình dạng quả núi un tròn lên nhìn tựa như củ hành, nguyên văn trong *Đại Nam nhất thống chí* là “Thông Sơn tục danh Hòn Hành” (葱山俗名崙行). Năm 1823, vua Minh Mạng cho đổi tên Núi Thông thành núi Định Hải (定海山), xây pháo đài ở đó gọi là pháo đài Định Hải.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Đà Nẵng (1858-1860), quân Pháp gọi pháo đài Định Hải là pháo đài đá; và giống như dân gian Quảng Nam dựa vào hình dạng quả núi Định Hải để đặt tên Hòn Hành, quân Pháp cũng gọi đây là pháo đài Núi Vú (Mamelon), dùng cho cả trên bản đồ quân sự của họ. Tuy nhiên, trong trận đánh ngày 18/11/1859, vì việc tấn công pháo đài Định Hải do cánh quân Tây Ban Nha đảm nhận rồi trú đóng luôn, nên trong thời gian chiếm đóng pháo đài Định Hải (18/11/1859 - 29/02/1860), lính Tây Ban Nha không dùng tên pháo đài Núi Vú do người Pháp gọi trước đó, mà lấy tên nữ hoàng đương triều của mình là Isabelle đệ nhị, tức Isabelle II nếu viết theo tiếng Pháp, còn tiếng Tây Ban Nha là Isabel II (1830-1904, tên đầy đủ: María Isabel Luisa de Borbón y Borbón-Dos Sicilias) để đặt tên nơi đây thành pháo đài Isabelle II. Chính Henri de Ponchalon đã cho biết pháo đài Isabelle II tức pháo đài Núi Vú. Tên pháo đài Isabelle II nằm đúng ở vị trí pháo đài Định Hải trên bản đồ của triều Nguyễn, cũng là vị trí của pháo đài Núi Vú ở bản đồ của người Pháp, trên bản đồ quân sự chính thức từ thời điểm 1860. Cũng vì lẽ đó, về sau và hiện nay, Hòn Hành, nơi đặt pháo đài Định Hải xưa mang tên là mũi Isabelle.

Ngày 01/03/1860, dân làng trên bán đảo Sơn Trà muốn đi Sài Gòn với chúng tôi; họ được sắp đặt ở những tiền đồn trong thời gian chờ đợi đáp tàu. Các nhà kho trên bãi biển bị phá hủy, các thuyền vũ trang chiến đấu rút khỏi Sông Hàn.

Ngày 02/03/1860, trong đêm này, quân An Nam bắt đầu chơi lại màn hài kịch nhỏ của mình: họ đến tấn công thành Điện Hải bằng vài loạt súng bắn đá, còn đại bác của họ dường như không nạp đạn, vì không nghe tiếng rít của viên đạn được bắn ra.

Vận hạm hỗn hợp Marne đến Đà Nẵng từ Sài Gòn. Cảng Sài Gòn được mở cửa để giao thương. Mặc dù cuộc đàm phán đã bị hủy bỏ, các quan lại An Nam yêu cầu rằng việc buôn bán gạo không bị cản trở: cần để người ta đến vùng Viễn Đông mà không phải ngạc nhiên gì cả.

Đại úy (Duplaix) của tôi khởi hành về Pháp trên con tàu mang tên Đô đốc Hamelin. Có thể ông đã đến đích của mình! Giờ ông chỉ còn là một bộ xương.

Ngày 03/3/1860, người An Nam tiếp tục cuộc giải trí của mình. Tiếp đến, vào buổi đêm, họ bắn vài quả đạn đá vào thành Điện Hải và đốt cháy vài căn lều phía sau thành An Hải.

Số người An Nam tham gia cùng chúng tôi ngày càng tăng lên; hôm nay có gần ba nghìn người. Bằng những chiếc thuyền mảnh lấy được từ quân An Nam, chúng tôi lập nên một làng nổi trong vịnh; tuy nhiên, vì thiếu chỗ, chúng tôi có nghĩa vụ phải gửi lại một số gia đình.

Cả ngày, tiếng tâm-tâm vang lên trên Sông Hàn và tại đồn Chơn Sảng. Quân An Nam đi lại trên phòng tuyến của mình và liên tục phát cờ;⁽¹⁾ có vẻ họ đang ăn mừng về chuyến khởi hành tiếp theo của chúng tôi. Cha Legrand tin rằng một vị quan lớn, do vua Tự Đức cử đến, đang thực hiện một cuộc tổng duyệt quân đội.

Ngày 04/3/1860, ở trên Sông Hàn quân An Nam đã giảm bớt tiếng súng tâm-tâm. Tại khu vực Chơn Sảng họ đang làm việc để khôi phục lại pháo đài Định Hải; từ đồn Trấn Dương chúng tôi thấy họ đào xới đất đai.

Trung úy hải quân Mariot khởi hành đi Sài Gòn trên một chiếc thuyền nhẹ hai buồm;⁽²⁾ ông đi kèm hai chiếc thuyền mảnh chở những người An Nam ở làng Chơn Sảng.

Ngày 05/3/1860, vào lúc nửa đêm, quân An Nam nã đại bác vào thành An Hải. Đến 4 giờ sáng họ bắn vào thành Điện Hải và công sự ở các góc. Một quả đạn rơi vào thành Điện Hải, nhưng không nổ.

⁽¹⁾ Thực ra lính triều đình đang truyền tin bằng hiệu cờ.

⁽²⁾ Nguyên văn: goélette.

Trạm quân y lưu động được di tản, bệnh nhân được chuyển lên tàu. Pháo đài Phòng Hải của đồn Trấn Dương bị phá hủy, chúng tôi cho nổ sập các tiền đồn bằng thuốc súng cũ của người An Nam.

Ngày 06/3/1860, chiếc tàu Thượng Hải⁽¹⁾ đến Đà Nẵng với thư tín. Tướng Montauban đến Hồng Kông; người Anh thể hiện sự tôn vinh ông và dành cho ông một sự đón tiếp trọng thể. Vị tướng, tư lệnh thứ hai ở Ấn Độ, nắm quyền chỉ huy các lực lượng Anh tại Trung Quốc.

Những quân nhân có thể giải ngũ và những cán bộ khung tạm dừng nhiệm vụ trở về Pháp trên chiếc hải phòng hạm chạy buồm Capricieuse được xếp hàng đầu.

Ngày 08/3/1860, hải phòng hạm hơi nước Prégent, đến Đà Nẵng từ Hồng Kông, mang theo lệnh tạm hoãn công việc giải trừ quân bị (tháo dỡ, triệt hạ, tiêu hủy các khí tài, phương tiện chiến tranh) và di tản. Liệu chính phủ đã nghĩ lại về hậu quả của việc bỏ rơi Đà Nẵng liên quan đến uy tín của chúng ta, ảnh hưởng của chúng ta ở Đông Dương?

Vận hạm hỗn hợp hơi nước Gironde đến từ Manila (Philippines) với 450 lính Tagal và 50 con ngựa để phục vụ đoàn thủy thủ tại Sài Gòn.

Ngày 09/3/1860, hải phòng hạm hơi nước Prégent trở lại Quảng Châu (Trung Quốc) với một đại đội thủy quân lục chiến; trên mạn tàu còn có Thiếu tá Martin des Pallières, người sẽ trở thành trợ lý của tướng Montauban.

Ngày 11/3/1860, vào giữa đêm, 5 vị thân hào, được các quan lại An Nam phái đến, lên mạn các thuyền mảnh sắp sửa đi Sài Gòn, để buộc những người An Nam tự nguyện di tản không được theo chúng tôi vào Sài Gòn; những người dân này, với bất kỳ câu trả lời nào, nói hãy giữ họ lại và xin phó thác vào tay chúng tôi.

Ngày 12/3/1860, những người An Nam trung thành với chúng tôi đi vào Sài Gòn trên những chiếc thuyền mảnh và hai thuyền nhỏ được chỉ huy bởi các trung úy hải quân.

Chiếc tàu Thượng Hải cũng đi vào Sài Gòn với ba sĩ quan thủy quân lục chiến.

Ngày 16/3/1860, số phận đang nhảy múa! Đại tá hải quân Thoyon nhận được lệnh chính thức di tản khỏi Đà Nẵng. Đại tá Dariès được bổ nhiệm làm chỉ huy cao cấp ở Sài Gòn.

Chúng tôi phá hủy các túp lều của doanh trại lính Tây Ban Nha nằm trên bãi biển bằng cách thiêu cháy chúng thành than.

Ngày 17/3/1860, lúc nửa đêm, đồn tiền tiêu nhỏ ở ngôi chùa và các tiền đồn ở Sơn Trà bị một đội lính An Nam trang bị toàn bằng giáo tấn công và bao vây. Họ

⁽¹⁾ Nguyên văn: Shang-Hai.

bị đẩy lui sau một trận đánh giáp lá cà, hai thủy quân lục chiến bị thương vì giáo đâm. Chúng tôi ngay lập tức củng cố lại đồn nhỏ. Hai giờ sau nó lại bị một cuộc tấn công mới bởi toán quân đông hơn. Những loạt súng cạc-bin và tiếng kèn hiệu vang lên đẩy họ tháo lui.

Đây là lần đầu tiên quân An Nam dám liều mình đến tận các tiền đồn của chúng tôi ở Sơn Trà, bởi cho đến nay tất cả các cuộc tấn công của họ chỉ xảy ra quanh Sông Hàn.

Một trong những chiếc thuyền mảnh dùng để đưa người dân An Nam vào Sài Gòn vừa quay trở lại Đà Nẵng; nó không thể tiếp tục cuộc hành trình do đi lạc theo một con đường sông.

Chúng tôi sắp xếp lại cách bố trí lực lượng trong trường hợp các tiền đồn bị tấn công. Mỗi đại đội điều động một tốp lính, một chiếc sà lúp vũ trang chiến đấu thiết lập một trạm gác lớn. Mỗi chiếc tàu sẽ có một thuyền vũ trang bảo vệ, sẵn sàng xuất hiện mỗi khi có tín hiệu đầu tiên được phát ra bằng một ngọn đuốc đặt trên cột cờ của chòi canh ở các tiền đồn; những thuyền chiến đấu này được đặt dưới sự chỉ huy của một đại úy hải quân.

Người chỉ huy cao cấp của Sài Gòn yêu cầu cung cấp họ tên của những quân nhân có thể giải ngũ đã đồng ý ở lại Sài Gòn để làm việc cho sở cảnh sát và hải quan: lương chi trả một đồng si-linh⁽¹⁾ một ngày; không có ai đăng ký.

Ngày 18/3/1860, hành lý của các sĩ quan và đội quân được chuyển lên tàu.

Một trong những thuyền nhỏ, trên đường đi Sài Gòn, bắt buộc phải trở lại Đà Nẵng; cột buồm chính của nó bị gãy, trên biển thời tiết xấu. Những người An Nam khốn khổ của chúng tôi thực sự không có vận may; lòng trung thành của họ phải chịu những thử thách nghiêm trọng.

Ngày 19/3/1860, những chiếc sà lan và thuyền vũ trang chiến đấu của những con tàu được kéo khỏi Sông Hàn bởi tàu Lampra. Chúng tôi di dời những khẩu đại bác ở thành An Hải, thành Điện Hải và công sự ở các góc.

Pháo hạm hơi nước *Alarme* neo đậu ở phía nam vịnh để bảo vệ thuyền bè đang tiến hành tháo dỡ vũ khí quân dụng ở các pháo đài ven Sông Hàn. Chúng tôi đặt thuốc nổ phá bung pháo đài Phòng Hải và ụ pháo nhỏ của lính Tây Ban Nha ở đồn Trấn Dương.

Hộ tống hạm hơi nước *Prégent* khởi hành đi Hồng Kông, mang theo Trung tá Reybaud, người được trở về Pháp. Tại sao vị chỉ huy can đảm, được tất cả mọi người kính trọng này, chưa được thăng cấp đại tá? Đó là một người anh hùng của

⁽¹⁾ Nguyên văn: schelling (đồng si-linh của Áo).

những ngày tháng 7 năm 1830; có lẽ người ta không muốn bỏ qua cho ông vì lúc được bổ nhiệm cấp bậc thiếu úy, ông đã có ý “khinh mạn quốc gia”.⁽¹⁾ Không nghi ngờ gì nữa, người ta quên rằng ông đã chinh phục tất cả các cấp bậc khác bằng lưỡi gươm của mình.

Đại tá hải quân Thoyon, chỉ huy cấp cao của Đà Nẵng, rời khỏi vùng đất cao ở “Khu điều dưỡng” và lên chiếc vận hạm hỗn hợp hơi nước Gironde.

Ngày 20/3/1860, nửa đêm, quân An Nam tấn công các thành An Hải và Điện Hải, chúng tôi đáp trả hai loạt đạn cối. Người An Nam ném qua sông cùng một lúc hai chiếc sọt khá nguy hiểm, được làm bằng tre nhồi rơm trộn thuốc súng. Chiếc đầu tiên bị tịch thu trước khi bắt lửa, chiếc thứ hai bùng cháy sau khi lướt qua các thuyền vũ trang chiến đấu.

Những khẩu đại bác cuối cùng ở các pháo đài ven sông được chuyển đi. Liên quân đốt bỏ các thuyền mành và thuyền đánh cá vẫn còn trong bến cảng; người An Nam được đưa lên các tàu của chúng tôi.

Ngày 21/3/1860, trong đêm, quân An Nam đặt một quả nổ trong công sự ở các góc bên bờ tả ngạn, pháo hạm hơi nước Alarme trả đũa bằng hai phát đại bác.

Chúng tôi đưa ngựa lên tàu. Đến giữa trưa, công binh đánh sập những kho thuốc súng ở thành Điện Hải và công sự ở các góc. Ngọn lửa bao phủ tất cả những túp lều phía bờ tả ngạn Sông Hàn. Các toán quân rút khỏi thành An Hải bằng đường bộ, trở lại ở các tiền đồn trên eo đất của Sơn Trà.

Lúc ba giờ chiều, kho thuốc súng của thành An Hải bị đánh sập. Chúng tôi đốt luôn những lều ăn ở khu vực pháo đài. Đến 3 giờ rưỡi chiều, cuộc di tản trên Sông Hàn đã kết thúc.

Việc lên tàu của liên quân bắt đầu với lính Tây Ban Nha, những người vừa rút khỏi Sông Hàn.

Chúng tôi củng cố các tiền đồn. Vào 11 giờ đêm, quân An Nam như chào mừng sự ra đi của chúng tôi, bắn về đồn nhỏ ở cạnh ngôi chùa một loạt gần 40 quả đạn đá. Các vị quan An Nam bây giờ có thể tuyên bố rằng họ đã đánh đuổi chúng tôi bằng những phát đại bác. Đây thực sự là một kết thúc lấu lỉnh. Đó là sự thật. Than ôi! Chúng tôi đã trao cho họ phần tốt đẹp.

Ngày 22/3/1860, di tản khỏi Đà Nẵng. Từ lúc mặt trời mọc đến tận hoàng hôn, âm thanh những vụ nổ thật lớn, tất cả các pháo đài ở Đà Nẵng bật tung lên từ chỗ này tiếp nối chỗ khác, lửa bao trùm khắp nơi, sức nóng của ngọn lửa thật kinh khủng đến nỗi có thể cảm thấy nó ngay cả khi đứng trên boong tàu.

⁽¹⁾ Nguyên văn: récompense nationale.

Đại đội của tôi lãnh nhiệm vụ bảo vệ cuộc rút quân, lên vận hạm hỗn hợp Marne lúc 5 giờ chiều. Mất nhòe lệ, tôi từ biệt Đà Nẵng lần cuối.

Tôi trải qua cả đêm trên bong tàu. Như câu chuyện cổ tích, Đà Nẵng mãi mãi rực sáng như một ngọn lửa trong ký ức của tôi.

Hòn đảo Cô được thấp sáng bởi ánh lửa từ một chiếc thuyền mảnh phản chiếu trên những bước sóng run rẩy của bến cảng. Cột buồm bốc cháy tóe ra những tia lửa, loang ra rồi như bị kìm lại bởi một bàn tay vô hình. Những người An Nam chưa bao giờ chứng kiến một cảnh tượng như vậy nên dường như cảm thấy sững sờ. Không có âm thanh nào được phát ra ở eo đất và bán đảo Sơn Trà.

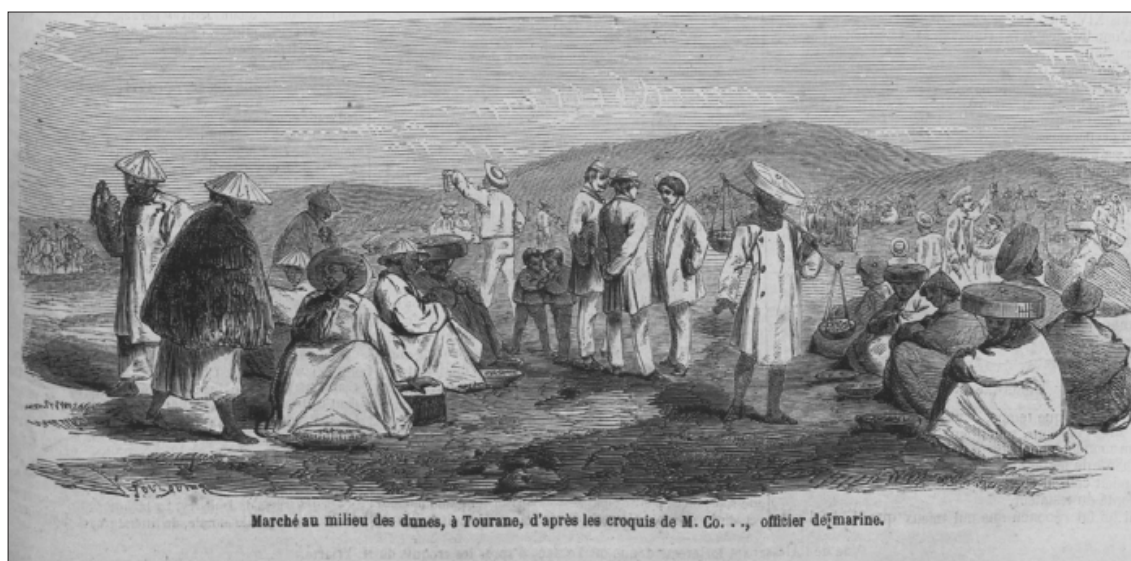
Họ phải nghĩ gì khi thấy rằng, ngọn đuốc trong tay chúng ta đã hủy diệt không chỉ các pháo đài, mà còn tất cả các công trình do chính chúng ta đã xây dựng, với cái giá quá sức mệt mỏi và nhiều mất mát?

Liệu chúng ta có thể ngạc nhiên, nếu họ gọi chúng ta là “những kẻ man rợ”?

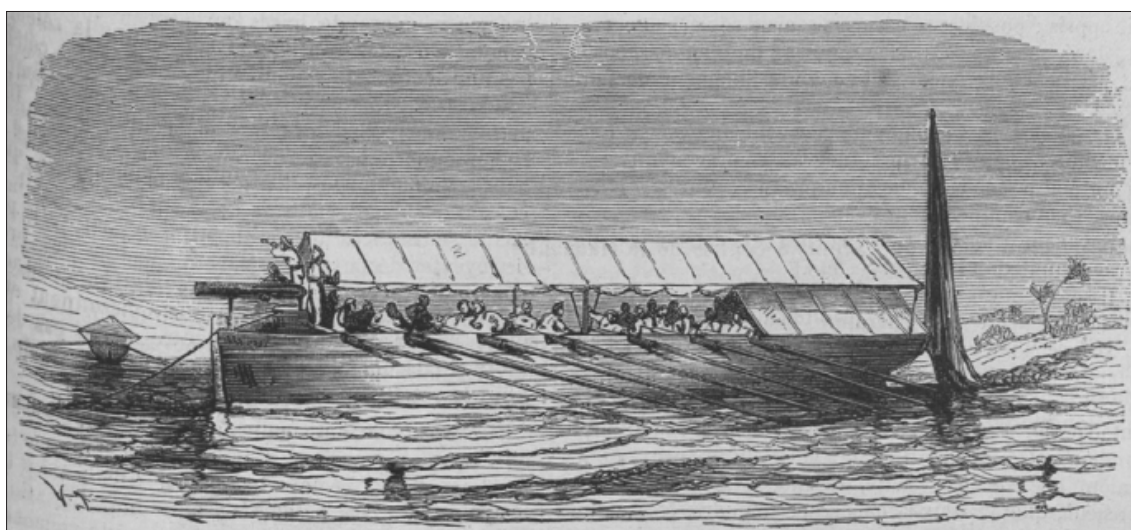
Ngày 23/3/1860, khởi hành từ Đà Nẵng. Lúc 8 giờ sáng, để chứng minh với người dân rằng chúng tôi tự nguyện rút khỏi Đà Nẵng,⁽¹⁾ tất cả các tàu hơi nước chạy một vòng quanh vịnh, và mỗi tàu bắn một phát đạn cối về hướng chiến tuyến của quân An Nam. Sự chứng minh này đem lại cho chúng tôi một chút an ủi. Chúng tôi nhìn thấy trên Sông Hàn một số lượng lớn các thuyền mảnh treo cờ; nhưng người An Nam giữ một khoảng cách tôn trọng tầm đại bác trên tàu của chúng tôi.

Đến 8 giờ 30, đoàn tàu di tản khỏi vịnh Đà Nẵng. Tôi phóng tầm mắt u buồn lần cuối về phía nghĩa trang mà chúng tôi đang bỏ rơi, nơi ấy có rất nhiều người đã hy sinh tất cả cho đất nước của họ.

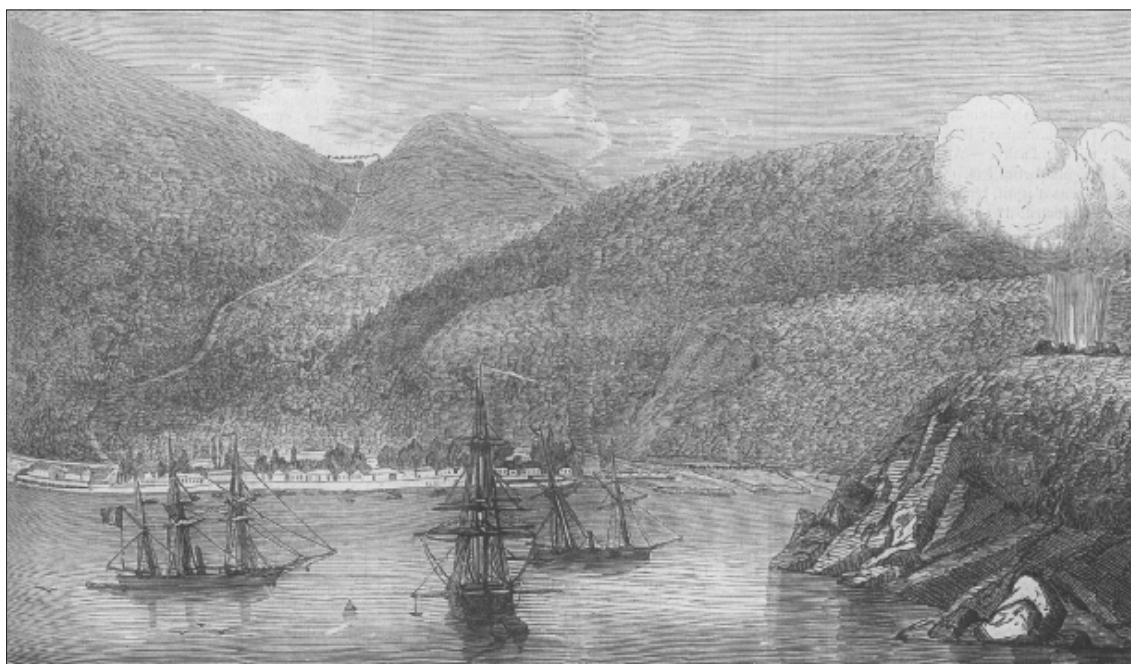
⁽¹⁾ Thực tế là vì liên quân Pháp-Tây Ban Nha đánh mãi vẫn không vào nổi đất liền ở Đà Nẵng.



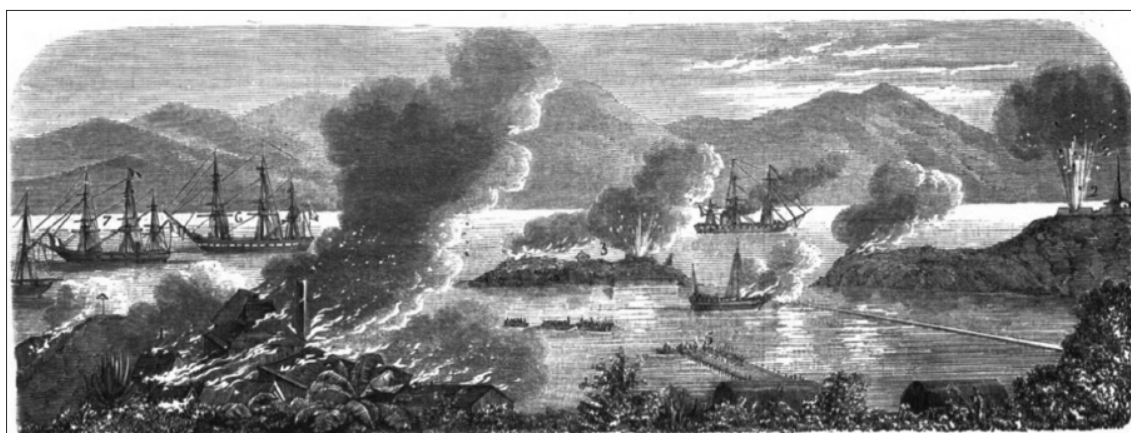
Chợ tạm trên bán đảo Sơn Trà sáng 20/01/1860, trong thời gian bị Pháp - Tây Ban Nha chiếm đóng (Ảnh chụp trên báo *Le Monde Illustré* số ra ngày 31/3/1860 tại Paris, Pháp).



Một sà lúp vũ trang chiến đấu thuộc biên chế của vận hạm Dordogne của Pháp chở theo 17 lính có trang bị súng cạc-bin (carabine) và một khẩu súng cối trên Sông Hàn ngày 20/01/1860 (Ảnh chụp trên báo *Le Monde Illustré* số ra ngày 31/3/1860 tại Paris, Pháp).



Liên quân Pháp - Tây Ban Nha đặt thuốc nổ phá sập pháo đài Định Hải (Isabelle II) - cột khói bên phải, và các công sự ở khu vực đồn Chơn Sáng vào 7 giờ sáng 29/02/1860 trước khi rút quân ra bán đảo Sơn Trà (Ảnh chụp từ tranh trên báo *Le Monde Illustré* số ra ngày 19/5/1860 tại Paris, Pháp).



Liên quân Pháp - Tây Ban Nha đặt thuốc nổ phá sập toàn bộ đồn Ba (cột khói thứ nhất từ trái qua), đồn Hai trên đảo Cô (cột khói thứ hai), pháo đài Phòng Hải (cột khói thứ ba), đồn Trần Dương (cột khói thứ tư) ở bán đảo Sơn Trà suốt ngày 22/3/1860 trước lúc rút khỏi Đà Nẵng vào sáng 23/3/1860 (Ảnh chụp từ tranh đăng trên báo *L'illustration, Journal Universel* số ra ngày 19/5/1860 tại Paris, Pháp).